



**THÁNG 11**  
**2024**

*(Lưu hành nội bộ)*



**Bản tin**  
**Thị trường**  
**Lúa gạo**  
**- SỐ 53**



**A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:****I. GIÁ GAO TRONG THÁNG 11: (Nguồn Oryza.com)**

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	THẤP NHẤT	CAO NHẤT	BÌNH QUÂN	So T10.24	So T11.23
<b>THÁI LAN</b>	Gạo trắng 100% B	489	509	500	-22	-94
	5% tấm	479	497	488	-17	-92
	25% tấm	449	471	456	-28	-83
	Hom Mali 92%	967	1114	1009	-93	+179
	Gạo đỏ 100% Stxd	489	504	499	-22	-78
	A1 Super	397	425	407	-34	-68
<b>VIỆT NAM</b>	5% tấm	517	528	522	-15	-136
	25% tấm	483	499	490	-19	-156
	Jasmine	670	695	681	+1	-65
	100% tấm	408	431	420	-19	N/a
<b>ẤN ĐỘ</b>	5% tấm	444	457	451	-29	N/a
	25% tấm	432	442	437	-42	N/a
	Gạo đỏ 5% Stxd	437	450	443	-37	-57
	100% tấm Stxd	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
<b>PAKISTAN</b>	5% tấm	451	465	458	-27	-117
	25% tấm	413	427	420	-31	-76
	100% tấm Stxd	376	389	380	-18	-84
<b>MIỀN ĐIỆN</b>	5% tấm	495	507	503	-5	-98
<b>MỸ</b>	4% tấm	758	794	768	-22	15
	15% tấm (Sacked)	643	767	714	+67	-20
	Gạo đỏ 4% tấm	776	804	797	-13	+19
	Calrose 4%	809	851	829	-39	-204

**II. SỰ KIẾN TRONG THÁNG:****1. Dự báo thị trường thương mại gạo toàn cầu:**

Cập nhật T11.2024	Sản lượng 2024/25 (triệu tấn)	So 2023/24	Thương mại 2024/25 (triệu tấn)	So 2023/24	Tồn kho cuối kỳ 2024/25 (triệu tấn)	So 2023/24
IGC	535,0	+2,01%	56,0	+3,70%	179,0	+2,29%
USDA	533,8	+2,22%	57,2	+0,35%	182,6	+1,84%
FAO	538,9	+0,77%	54,9	+2,43%	205,4	+3,06%

**2. Dự báo tình hình xuất khẩu toàn cầu niên vụ 2024/2025:**

(Theo USDA đến ngày 10/12/2024; ĐVT: triệu tấn)

Nước xuất khẩu	2020/21	2021/22	2022/23	2023/24	2024/25 (T11.24)	2024/25 (T12.24)	Điều chỉnh
Ấn Độ	21,240	22,122	17,733	17,300	22,000	22,000	-
Thái Lan	6,283	7,682	8,736	10,000	7,500	7,700	+0,200
Việt Nam	6,272	7,054	8,225	9,000	7,350	7,800	+0,450
Pakistan	3,928	4,562	4,528	6,000	5,300	5,300	-
Campuchia	2,350	2,350	2,500	3,400	2,900	3,400	+0,500
Trung Quốc	2,407	2,172	1,602	1,100	1,000	1,000	-
Mỹ	2,950	2,190	2,397	3,170	3,200	3,200	-
Các nước khác	7,247	8,665	7,571	8,561	7,974	8,069	+0,095
<b>Cả Thế giới</b>	<b>52,677</b>	<b>56,797</b>	<b>53,292</b>	<b>58,531</b>	<b>57,224</b>	<b>58,469</b>	<b>+1,245</b>

**3. Dự báo tình hình nhập khẩu toàn cầu niên vụ 2024/2025:**

(Theo USDA đến ngày 10/12/2024; ĐVT: triệu tấn)

Nước nhập khẩu	2020/21	2021/22	2022/23	2023/24	2024/25 (T11.24)	2024/25 (T12.24)	Điều chỉnh
Philippines	2,950	3,800	3,900	5,300	5,100	5,400	+0,300
Trung Quốc	4,921	6,155	2,597	1,400	2,000	2,000	-
Indonesia	0,650	0,740	3,500	4,100	1,500	1,500	-
Nigeria	2,100	2,400	2,000	2,200	2,100	2,200	+0,100
Iraq	1,315	2,124	1,845	2,300	2,000	2,000	-
Bờ Biển Ngà	1,450	1,560	1,313	1,550	1,600	1,600	-
Saudi Arabia	1,157	1,324	1,487	1,750	1,700	1,750	+0,050
Senegal	1,250	1,500	1,300	1,400	1,400	1,400	-

Malaysia	1,160	1,240	1,410	1,850	<b>1,500</b>	<b>1,500</b>	-
Iran	0,880	1,250	0,751	0,800	<b>1,050</b>	<b>1,050</b>	-
Liên Minh Châu Âu	1,862	2,490	2,170	2,200	<b>2,200</b>	<b>2,200</b>	-
<i>Các nước khác</i>	<i>35,932</i>	<i>36,014</i>	<i>34,919</i>	<i>38,981</i>	<i>40,174</i>	<i>41,269</i>	<i>+1,095</i>
<b>Cả Thế giới</b>	<b>52,677</b>	<b>56,797</b>	<b>53,292</b>	<b>58,531</b>	<b>57,224</b>	<b>58,469</b>	<b>+1,245</b>

#### **4. Các thị trường chính:**

Chỉ số gạo trắng Oryza (WRI), giá xuất khẩu bình quân gia quyền gạo trắng toàn cầu, kết thúc tháng 11 ở mức 543 USD/tấn, giảm 3 USD/tấn so với tháng trước và giảm 135 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Hội đồng ngũ cốc quốc tế (IGC) đã nâng dự báo sản lượng gạo toàn cầu năm 2024/25 lên mức kỷ lục 535 triệu tấn, nhờ triển vọng cải thiện từ Ấn Độ và tăng mức tiêu thụ lên 531 triệu tấn do nguồn cung dồi dào. Thương mại toàn cầu dự kiến đạt 56 triệu tấn, được hỗ trợ bởi nhu cầu mạnh hơn của châu Phi, với Ấn Độ dự kiến sẽ mở rộng thị phần xuất khẩu. Dự báo tồn kho cuối kỳ là 179 triệu tấn, phản ánh dự trữ cao hơn ở các nhà cung cấp chính, tất cả đều đánh dấu mức tăng trưởng so với ước tính năm 2023/24.

Báo cáo triển vọng gạo tháng 11 năm 2024 của USDA dự báo sản lượng gạo toàn cầu năm 2024/25 sẽ tăng lên 533,8 triệu tấn, tăng 11,6 triệu tấn so với năm ngoái. Tổng nguồn cung toàn cầu dự kiến sẽ tăng 10,6 triệu tấn, đạt 713,1 triệu tấn. Nhu cầu sử dụng trong nước dự kiến sẽ tăng ở các quốc gia như Ấn Độ, Trung Quốc và Việt Nam, trong khi thương mại dự kiến sẽ đạt mức kỷ lục 57,2 triệu tấn do xuất khẩu tăng từ các quốc gia như Ấn Độ và Thái Lan. Dự kiến tồn kho cuối kỳ toàn cầu là 182,6 triệu tấn, với trữ lượng cao hơn ở Ấn Độ và các quốc gia khác bù đắp cho sự sụt giảm ở những nơi như Myanmar và Thái Lan.

Theo báo cáo Cập nhật giá gạo mới nhất của FAO (FARPI) vào tháng 11 năm 2024, Chỉ số giá gạo toàn phần của FAO đạt trung bình 125,7 điểm vào tháng 10 năm 2024, giảm khoảng 5,6% so với tháng trước. Chỉ số này giảm khoảng 9,5% so với cùng kỳ năm trước.

FAO đã công bố Báo cáo cung cầu ngũ cốc mới nhất (tháng 11 năm 2024), cung cấp phân tích mới nhất về thị trường ngũ cốc thế giới (bao gồm cả gạo). FAO dự báo sản lượng gạo toàn cầu năm 2024/25 đạt 538,9 triệu tấn, giảm so với dự báo trước đó là 539,2 triệu tấn vào tháng 10 năm 2024. Việc điều chỉnh tăng đối với Bangladesh và Việt Nam đã bù đắp cho việc điều chỉnh giảm đối với Trung Quốc và Indonesia. Dự báo này tăng so với mức ước tính 534,7 triệu tấn vào năm 2023/24. Sự gia tăng theo năm là do diện tích gieo trồng cao hơn. FAO dự báo mức tiêu thụ gạo toàn cầu năm 2024/25 đạt mức kỷ lục 535,8 triệu tấn, tăng so với mức dự báo trước đó là 535,5 triệu tấn do khả năng sử dụng lương

thực và thức ăn chăn nuôi cao hơn. Dự báo này tăng so với mức ước tính 526,5 triệu tấn vào năm 2023/24. FAO dự báo thương mại gạo toàn cầu năm 2024/25 đạt 54,9 triệu tấn, tăng nhẹ so với mức dự báo trước đó là 54,3 triệu tấn. Dự báo này tăng so với mức ước tính 51,8 triệu tấn trong năm 2023/24. FAO dự báo lượng gạo dự trữ toàn cầu năm 2024/25 đạt mức kỷ lục 205,4 triệu tấn, tăng so với mức ước tính 206 triệu tấn trong dự báo trước đó và tăng so với mức ước tính 19,4 triệu tấn trong năm 2023/24.

### **THÁI LAN:**

Giá gạo tằm 5% của Thái Lan kết thúc tháng 11 ở mức khoảng 495 USD/tấn, tăng khoảng 8 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 132 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Tính đến ngày 12 tháng 11 năm 2024, giá gạo xuất khẩu của Thái Lan đã giảm 1-3% do đồng baht yếu hơn (34,47 USD/USD so với 33,63 USD/USD) và nguồn cung lúa mới của niên vụ 2024/25 được đưa vào thị trường, làm giảm giá tại trang trại từ 1-2%. Xuất khẩu gạo sơ bộ (không bao gồm Hom Mali) từ ngày 28 tháng 10 đến ngày 3 tháng 11 đạt tổng cộng 120.829 tấn, giảm mạnh so với tuần trước và mức trung bình bốn tuần. Tuy nhiên, tổng lượng gạo xuất khẩu trong năm 2024 đạt 7,087 triệu tấn, tăng 28% so với cùng kỳ năm trước, theo USDA Post.

Xuất khẩu gạo của Thái Lan tăng vọt 20% so với cùng kỳ năm trước trong mười tháng đầu năm 2024, đạt 8,37 triệu tấn và dự kiến sẽ vượt 9 triệu tấn vào cuối năm, vượt mục tiêu 8,2 triệu tấn. Bộ Thương mại cho rằng sự tăng trưởng này là do thời tiết thuận lợi, nguồn cung cấp nước đầy đủ và nhu cầu lớn đối với gạo thơm Thái Lan. Doanh thu dự kiến sẽ vượt 6,4 tỷ USD, được hỗ trợ bởi vụ thu hoạch bội thu 13,4 triệu tấn lúa.

Bộ Thương mại Thái Lan đang nỗ lực ổn định giá gạo trong vụ thu hoạch lúa đang diễn ra, với gạo có hàm lượng ẩm 15% tăng 500 baht/tấn lên 10.550 baht (310 USD). Mưa lớn ở Đông Bắc đã làm tăng độ ẩm, làm giảm giá bán. Để hỗ trợ nông dân, Bộ đang kết nối họ với các nhà máy xay xát gạo thông qua các thị trường thương mại và cung cấp các khoản vay để trì hoãn việc bán gạo Hom Mali. Xuất khẩu gạo của Thái Lan tăng 22% so với cùng kỳ năm trước trong 10 tháng đầu năm 2024, với dự kiến xuất khẩu 9 triệu tấn, trị giá 6,4 tỷ USD.

### **ẤN ĐỘ:**

Giá gạo tằm 5% của Ấn Độ kết thúc tháng 11 ở mức khoảng 455 USD/tấn, tăng khoảng 10 USD/tấn so với tháng trước.

Ấn Độ đang xem xét dỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu gạo trắng 100% tằm, được áp dụng vào tháng 9 năm 2022 do lo ngại về tình trạng thiếu lương thực liên

quan đến El Niño. Chính phủ đã nới lỏng các hạn chế đối với các loại gạo khác để quản lý lượng dự trữ trong nước đang tăng. Việc dỡ bỏ lệnh cấm có thể giúp ổn định giá gạo trong nước và mang lại lợi ích cho các nước nhập khẩu. Tuy nhiên, một số thương nhân cảnh báo rằng việc xuất khẩu gạo tằm có thể làm giảm nhu cầu đối với gạo trắng 25%, điều này có thể ảnh hưởng đến giá gạo trắng trong ngắn hạn khi thị trường gạo tằm điều chỉnh.

Trong khi đó, Ấn Độ đã nối lại hoạt động xuất khẩu gạo sang Bangladesh sau hai năm tạm dừng, với 105 tấn gạo non - basmati được chuyển tải qua Cảng đất liền Benapole-Petrapole. Bangladesh đã cho phép 24 nhà nhập khẩu nhập khẩu 92.000 tấn gạo vào ngày 10 tháng 12 năm 2024, sau khi bãi bỏ thuế để ổn định giá trong nước. Các nhà nhập khẩu được yêu cầu báo cáo thông tin chi tiết về phân phối và kho bãi cho chính quyền.

Xuất khẩu gạo của Ấn Độ tăng vọt vào tháng 10 năm 2024, đạt 1,05 tỷ USD, đánh dấu mức tăng 86% so với cùng kỳ năm trước và tăng 51% so với tháng trước. Từ tháng 4 đến tháng 10 năm 2024, tổng kim ngạch xuất khẩu gạo đạt 6,17 tỷ USD, tăng 5,27% so với năm trước. Việc chính phủ bãi bỏ thuế xuất khẩu và giá xuất khẩu tối thiểu đối với nhiều loại gạo đã góp phần vào mức tăng đột biến này. Ấn Độ đang trên đà đạt sản lượng gạo kỷ lục là 119,93 triệu tấn trong vụ Kharif 2024/25, tăng 5,89% so với cùng kỳ năm trước. Trong năm tài chính 2023/24, Ấn Độ đã xuất khẩu 5,24 triệu tấn gạo basmati và 11,12 triệu tấn gạo không phải basmati.

Vijay Setia, cựu chủ tịch AIREA, đã chỉ ra các vấn đề trong ngành gạo của Ấn Độ liên quan đến các chính sách thu mua sau năm 2000, đã làm tăng lượng dự trữ của chính phủ và gây tổn hại cho nông dân và nhà máy xay xát. Nông dân phải chịu lỗ do giá thấp hơn MSP, trong khi các nhà máy xay xát phải vật lộn với lợi nhuận chiết khấu không đủ và lúa do chính phủ phân bổ chất lượng thấp. Setia ủng hộ việc xem xét lại các chính sách trước năm 2000 để giảm gánh nặng lưu trữ và cải thiện động lực thị trường. Bất chấp những thách thức này, gạo của Ấn Độ vẫn có nhu cầu toàn cầu mạnh mẽ do giá cả cạnh tranh so với chất lượng, việc cải thiện thương hiệu quốc tế có thể giúp tăng tiềm năng của gạo Ấn Độ.

Tính đến ngày 1 tháng 11 năm 2024, lượng gạo dự trữ của Ấn Độ đạt 44,08 triệu tấn, tăng 17% so với năm trước, chủ yếu là do lệnh cấm xuất khẩu gạo năm 2023 và hoạt động thu mua của chính phủ đang diễn ra. Lượng dự trữ này cao hơn nhiều so với yêu cầu dự trữ đệm là 10,25 triệu tấn trong giai đoạn từ tháng 10 đến tháng 12. Việc nới lỏng các hạn chế xuất khẩu đối với tất cả các loại gạo ngoại trừ gạo tằm cho phép Ấn Độ đáp ứng nhu cầu trong nước trong khi vẫn hỗ trợ xuất khẩu.

Tuy nhiên, các thành viên WTO như Argentina, Úc, Canada, Ukraine và Hoa Kỳ đã nêu lên mối quan ngại về hỗ trợ giá thị trường (MPS) của Ấn Độ đối với gạo và lúa mì, cho rằng Ấn Độ báo cáo không đầy đủ về hỗ trợ này. Họ lập luận rằng MPS của Ấn Độ là khoảng 87% đối với gạo và 67-75% đối với lúa mì trong các năm 2021/22 và 2022/23, vượt xa giới hạn 10% của WTO đối với các nước đang phát triển. Các quốc gia này đã yêu cầu thảo luận với Ấn Độ về hệ thống MPS của nước này.

Bất chấp những thách thức về lưu trữ do lượng hàng tồn kho dư thừa, các quan chức kỳ vọng mục tiêu thu mua sẽ đạt được. Chính phủ đã đặt mục tiêu thu mua giảm xuống còn 48,511 triệu tấn cho năm 2024/25, giảm so với mức 52,1 triệu tấn của năm 2023/24.

Dự toán sơ bộ đầu tiên của Ấn Độ cho năm vụ mùa 2024-25 dự kiến sản lượng gạo xay xát vụ Kharif đạt 119,19 triệu tấn, tăng 5,6% so với năm trước. Tổng sản lượng ngũ cốc lương thực cho vụ Kharif 2024-25 dự kiến đạt 164,705 triệu tấn, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước. USDA Post dự báo sản lượng gạo đạt 142 triệu tấn trong niên vụ 2024/25, nhờ lượng mưa gió mùa thuận lợi. Mặc dù lượng dự trữ cao hơn, giá gạo trong nước vẫn ở mức cao do việc dỡ bỏ hạn chế xuất khẩu gạo non - basmati. Lượng tiêu thụ gạo dự kiến đạt 120 triệu tấn, với lượng xuất khẩu dự kiến tăng lên 21 triệu tấn. Lượng dự trữ cuối kỳ dự kiến đạt 43 triệu tấn, cao hơn một chút so với năm ngoái.

### **CAMPUCHIA:**

Trong báo cáo Ngũ cốc: Thị trường và Thương mại Thế giới tháng 11 năm 2024, USDA nhấn mạnh rằng xuất khẩu gạo của Campuchia sang Việt Nam đã tăng lên, vì năng lực chế biến hạn chế của Campuchia. Hoạt động thương mại này đã thúc đẩy đáng kể khối lượng xuất khẩu gạo của Việt Nam, đặc biệt là trong thời gian Ấn Độ vắng bóng trên thị trường toàn cầu.

Campuchia đã xuất khẩu 507.029 tấn gạo xay xát, trị giá 376 triệu USD, trong mười tháng đầu năm 2024, theo Liên đoàn Gạo Campuchia (CRF). Tổng cộng có 55 công ty đã vận chuyển nhiều loại gạo khác nhau, bao gồm gạo thơm, gạo trắng, gạo đỏ và gạo hữu cơ, đến 66 quốc gia. Trung Quốc vẫn là nước nhập khẩu gạo lớn nhất của Campuchia trong giai đoạn này. CRF cũng thông báo rằng gạo thơm cao cấp của Campuchia, Malys Angkor, đã giành giải thưởng "Gạo ngon nhất thế giới" tại Hội nghị Gạo thế giới năm 2024 tại Manila. Trong khi đó, lũ lụt ở các vùng trồng lúa chính như Battambang, Pursat và Kampong Speu có thể ảnh hưởng đến sản lượng lúa trong tương lai.

USDA Post đã điều chỉnh dự báo sản lượng gạo xay xát của Campuchia trong năm tài chính 2024/25 lên 7,8 triệu tấn, với lý do là sản lượng trồng trọt

trong mùa khô tăng. Nông dân Campuchia tập trung nhiều hơn vào lúa ngắn hạn, mùa khô, góp phần vào sự tăng trưởng này. Lượng tiêu thụ gạo ở Campuchia dự kiến sẽ giảm xuống còn 4,3 triệu tấn, với nhu cầu xuất khẩu cao và giá cả thúc đẩy sự sụt giảm này. Xuất khẩu dự kiến sẽ tăng lên 3,5 triệu tấn, được thúc đẩy bởi nhu cầu cao, bất chấp giá toàn cầu giảm gần đây. Vào năm 2024, Campuchia đã xuất khẩu 3,3 triệu tấn lúa, chủ yếu sang Việt Nam, cùng với 454.000 tấn gạo xay xát - một con số mà chính phủ đặt mục tiêu tăng lên 1 triệu tấn trong những năm tới. Cuối cùng, lượng gạo tồn kho cuối kỳ dự kiến là 1,133 triệu tấn, với việc kho tàng dự trữ hạn chế và tổn kém đang đặt ra thách thức cho nông dân Campuchia.

### **MIẾN ĐIỆN:**

Giá gạo tằm 5% của Myanmar kết thúc tháng 11 ở mức khoảng 504 USD/tấn, tăng khoảng 1 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 106 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Theo Liên đoàn gạo Myanmar (MRF), vào tháng 10 năm 2024, Myanmar đã xuất khẩu khoảng 424.785 tấn gạo, bao gồm 230.803 tấn gạo và 193.981 tấn gạo tằm, trị giá 189 triệu USD. Các điểm đến xuất khẩu chính bao gồm Indonesia (115.100 tấn), Philippines (42.082 tấn), Trung Quốc (39.025 tấn), Niger (10.700 tấn) và Bờ Đào Nha (5.006 tấn), cùng với 23 quốc gia khác. Xuất khẩu gạo tằm đáng kể sang Bỉ (56.500 tấn), Senegal (44.300 tấn) và Trung Quốc (28.349 tấn). Từ tháng 4 đến tháng 10 năm 2024, Myanmar đã xuất khẩu hơn 1,36 triệu tấn gạo và gạo tằm trị giá 642 triệu USD đến hơn 60 quốc gia. Trong năm tài chính 2023/24, tổng lượng gạo xuất khẩu của Myanmar đạt hơn 1,6 triệu tấn trị giá 845 triệu USD.

### **PAKISTAN:**

Giá gạo 5% tằm của Pakistan kết thúc tháng 11 ở mức khoảng 457 USD/tấn, giảm khoảng 4 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 143 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu gạo của Pakistan tăng vọt lên 1,08 tỷ USD trong bốn tháng đầu năm tài chính 2024/25, đánh dấu mức tăng 52,53% so với cùng kỳ năm trước, do nhu cầu cao hơn từ các nước EU, Châu Phi, ASEAN và GCC. Xuất khẩu gạo basmati tăng 47% về khối lượng và 66% về doanh thu, trong khi xuất khẩu gạo non - basmati tăng 47,78% về khối lượng và 55,11% về doanh thu. Các yếu tố như quy định về giá xuất khẩu tối thiểu và cải thiện việc tuân thủ các tiêu chuẩn vệ sinh đã thúc đẩy hiệu suất.

### **INDONESIA:**

Theo Bộ trưởng Thương mại, Indonesia có kế hoạch nhập khẩu 1 triệu tấn gạo từ Ấn Độ vào cuối năm 2024 để đáp ứng nhu cầu trong nước, như một phần trong hạn ngạch nhập khẩu 3,6 triệu tấn trong năm nay. Quá trình giao dịch B2B đã hoàn tất và quá trình giao dịch G2G đang được đẩy nhanh. Các cuộc thảo luận về hoạt động nhập khẩu đã diễn ra giữa Tổng thống Indonesia và Thủ tướng Ấn Độ trong Hội nghị thượng đỉnh G20 tại Brazil. Bộ trưởng cũng đề cập đến việc tìm kiếm các nhà cung cấp khác cung cấp mức giá cạnh tranh.

Trong báo cáo Ngũ cốc: Thị trường và Thương mại Thế giới tháng 11 năm 2024, USDA nhấn mạnh rằng Indonesia dự kiến sẽ giảm nhập khẩu gạo vào năm 2025 vì nước này tập trung vào việc thúc đẩy sản xuất gạo trong nước. Điều này sẽ tác động đến triển vọng xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Indonesia trong năm tới.

Bộ trưởng Điều phối Lương thực Indonesia tuyên bố rằng nước này có thể không cần nhập khẩu gạo vào năm 2025, vì Bulog dự kiến sẽ có đủ lượng dự trữ, đạt khoảng 2 triệu tấn vào cuối năm 2024. Với nguồn cung mới dự kiến sẽ ra thị trường vào tháng 3 năm 2025, lượng gạo nhập khẩu của Indonesia có thể giảm.

### **PHILIPPINES:**

Sáu cơn bão mạnh đổ bộ vào Philippines từ cuối tháng 10 đến giữa tháng 11 đã tác động đến sản lượng gạo của quốc gia này và buộc chính phủ phải nhập khẩu nhiều hơn. Bloomberg đưa tin rằng tình hình đang làm dấy lên lo ngại về lạm phát lương thực gia tăng. Sáu cơn bão đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến Thung lũng Cagayan và Trung Luzon, chiếm một phần ba sản lượng gạo của cả nước. Theo trung tâm quản lý thảm họa của Bộ Nông nghiệp Philippines, khoảng 600.000 tấn lúa đã bị bão phá hủy trong năm nay. Do lượng mưa kéo dài, cơ quan thời tiết đã cảnh báo về "bọ hại lúa" ở các khu vực. Nông dân lo lắng về tình trạng lũ lụt dai dẳng và mưa liên tục. Nông dân Philippines thu hoạch vụ lúa chính vào quý cuối cùng của năm. Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp lưu ý rằng sản lượng lúa năm 2024 có thể giảm khoảng một triệu tấn so với năm trước xuống còn khoảng 19 triệu tấn. Tổng thống Philippines đang kỳ vọng lượng nhập khẩu sẽ đạt mức kỷ lục 4,5 triệu tấn trong năm nay, tăng so với mức ước tính 3,6 triệu tấn vào năm 2023.

Tính đến ngày 1 tháng 10 năm 2024, lượng gạo dự trữ của Philippines đạt tổng cộng 2,154 triệu tấn, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước và tăng 29,8% so với tháng trước, theo Cơ quan Thống kê Philippines (PSA). Lượng gạo dự trữ này bao gồm 917.840 tấn trong hộ gia đình, 1,081 triệu tấn trong các kho thương mại và 44.240 tấn do Cơ quan Lương thực Quốc gia (NFA) nắm giữ.

**TRUNG QUỐC:**

Bộ Nông nghiệp Trung Quốc dự báo sản lượng hạt giống tăng mạnh cho các loại cây trồng chính trong niên vụ 2024/25, vượt qua mức trung bình năm năm do điều kiện thuận lợi. Sản lượng hạt giống lúa lai dự kiến sẽ giảm 10% so với cùng kỳ năm trước xuống còn 310.000 tấn do diện tích gieo trồng giảm nhưng vẫn cao hơn 12% so với mức trung bình năm năm, với tổng nguồn cung là 410.000 tấn và nhu cầu là 350.000 tấn (+30% so với cùng kỳ năm trước). Sản lượng hạt giống lúa thông thường dự kiến sẽ tăng 7% so với cùng kỳ năm trước lên 1,38 triệu tấn, mặc dù năng suất giảm 3%, do diện tích gieo trồng tăng 9%.

FAO dự báo sản lượng lúa gạo năm 2024 của Trung Quốc đạt 207,37 triệu tấn, tăng nhẹ so với mức 206,6 triệu tấn năm 2023, chủ yếu là do diện tích gieo trồng và năng suất tăng nhẹ, mặc dù vẫn thấp hơn mức trung bình 5 năm là 209,9 triệu tấn. Việc thu hoạch vụ lúa kép muộn sẽ kết thúc vào tháng 11, sau các vụ thu hoạch sớm hơn của vụ lúa kép sớm và lúa đơn. Dự kiến sẽ có tác động đến năng suất do mưa lớn và bão Yagi trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2024. Lượng ngũ cốc nhập khẩu của Trung Quốc cho mùa vụ 2024/25 dự kiến đạt 52,6 triệu tấn, với lượng dự trữ chuyển tiếp dồi dào từ lượng nhập khẩu cao năm 2023/24 đáp ứng nhu cầu tăng cao. Giá gạo vẫn ổn định, với nguồn cung thị trường đầy đủ. Vào tháng 6 năm 2024, Trung Quốc đã ban hành luật an ninh lương thực mới để bảo vệ đất nông nghiệp, hạn chế chuyển đổi đất đai, hỗ trợ thu nhập của nông dân và tăng sản lượng ngũ cốc để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và giảm lãng phí thực phẩm.

**HÀN QUỐC:**

Bảng cân đối gạo mới nhất của USDA Post dự báo sản lượng gạo xay xát của Hàn Quốc trong niên vụ 2024/25 là 3,657 triệu tấn, cao hơn một chút so với dự báo chính thức của USDA nhưng thấp hơn năm ngoái, đánh dấu năm thứ ba liên tiếp giảm. Sự sụt giảm này là do các chính sách của chính phủ khuyến khích các loại cây trồng thay thế để quản lý tình trạng dư thừa gạo kinh niên. Mức tiêu thụ dự kiến là 3,95 triệu tấn, phản ánh sự suy giảm đang diễn ra do lượng tiêu thụ bình quân đầu người giảm và thói quen ăn uống thay đổi. Lượng nhập khẩu dự kiến đạt 440.000 tấn, phù hợp với các cam kết của WTO. Trong khi xuất khẩu, chủ yếu là để viện trợ lương thực, dự kiến sẽ giảm xuống còn 120.000 tấn, thì lượng dự trữ cuối kỳ dự kiến sẽ tăng nhẹ lên 1,242 triệu tấn.

**BANGLADESH:**

Chính phủ Bangladesh có kế hoạch bắt đầu thu mua lúa vụ Aman trực tiếp từ nông dân vào ngày 17 tháng 11 năm 2024, nhắm mục tiêu 350.000 tấn lúa với giá 33 Tk/kg, 550.000 tấn gạo đỏ với giá 47 Tk/kg và 100.000 tấn gạo trắng

với giá 46 Tk/kg. Chiến dịch thu mua, được thiết lập để giải quyết chi phí sản xuất tăng, sẽ kéo dài đến ngày 28 tháng 2 năm 2025 đối với lúa và gạo đỏ và đến ngày 15 tháng 3 năm 2025 đối với gạo trắng. Ủy ban Kế hoạch và Giám sát Thực phẩm (FPMC) đã đưa ra quyết định này tại một cuộc họp gần đây, lưu ý rằng giá tăng 3 Tk/kg cho mỗi loại so với giá của năm ngoái.

### **SRI LANKA:**

Nội các Sri Lanka đã chấp thuận nhập khẩu 70.000 tấn gạo để giải quyết tình trạng thiếu hụt gần đây, theo Bộ trưởng Bộ Thương mại, Thương mại, An ninh lương thực và Phát triển hợp tác. Việc nhập khẩu sẽ được quản lý bởi hai công ty nhà nước, Lanka Sathosa và Tổng công ty Thương mại Nhà nước Sri Lanka (Tổng hợp).

### **TRUNG ĐÔNG:**

FAO của Liên Hợp Quốc dự báo sản lượng lúa gạo năm 2024 của **Iran** đạt 4,2 triệu tấn, tăng 21,7% so với năm ngoái, nhờ lượng mưa thuận lợi và sự hỗ trợ của chính phủ thông qua các khoản đầu vào và khoản vay được trợ cấp. Vụ thu hoạch đã kết thúc vào tháng 9. Bất chấp sự thúc đẩy này, Iran vẫn dựa vào việc nhập khẩu gạo basmati, chủ yếu từ Ấn Độ, để đáp ứng nhu cầu trong nước. Để chống lại giá trong nước tăng cao, chính phủ đã phân bổ 40,5 tỷ USD trợ cấp để nhập khẩu hàng hóa thiết yếu trong năm tài chính 2024/25. Tỷ giá hối đoái được trợ cấp cho hàng nhập khẩu chỉ bằng khoảng một nửa tỷ giá thị trường, nhằm mục đích giảm lạm phát, nhưng giá gạo vẫn tăng 32% so với cùng kỳ năm ngoái vào tháng 10 năm 2024.

### **CHÂU PHI:**

FAO dự báo sản lượng lúa gạo năm 2024 của **Niger** sẽ đạt 146.000 tấn, tăng 2,4% so với năm ngoái và cao hơn mức trung bình năm năm. Lượng mưa thuận lợi từ tháng 7 đến tháng 9 đã hỗ trợ cho sự phát triển của cây trồng. Tuy nhiên, dự kiến khoảng 3,4 triệu người sẽ phải đối mặt với tình trạng mất an ninh lương thực nghiêm trọng trong mùa mất mùa năm 2024. Con số này có thể tăng do lũ lụt gần đây, ảnh hưởng đến 1,5 triệu người và giá gạo cao làm trầm trọng thêm tình trạng mất an ninh lương thực.

FAO dự báo sản lượng lúa gạo của **Rwanda** vào năm 2024 sẽ đạt 141.000 tấn, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước và vượt qua mức trung bình năm năm là 130.000 tấn. Sự tăng trưởng này là do diện tích trồng trọt được mở rộng và điều kiện thời tiết thuận lợi đã thúc đẩy năng suất. Do đó, đất nước này đang có triển vọng đảm bảo được an ninh lương thực, với nguồn cung lương

thực dự kiến sẽ cải thiện vào tháng 12 năm 2024, sau khi kết thúc giai đoạn giáp hạt.

FAO dự báo sản lượng lúa gạo năm 2024 của **Burundi** sẽ đạt 136.000 tấn, tăng 9% so với cùng kỳ năm trước nhưng thấp hơn mức trung bình năm năm là 146.000 tấn. Mùa mưa ngắn bắt đầu muộn đã ảnh hưởng đến việc gieo trồng ban đầu, nhưng lượng mưa dồi dào kể từ giữa tháng 9 đã cải thiện tình trạng cây trồng, thúc đẩy triển vọng sản xuất cho các vụ thu hoạch dự kiến từ tháng 12 năm 2024 đến tháng 1 năm 2025. Chương trình phân bón được trợ cấp của chính phủ cũng dự kiến sẽ làm tăng năng suất. Mặc dù có dự báo thuận lợi về mùa màng, khoảng 1,2 triệu người đã phải đối mặt với tình trạng mất an ninh lương thực nghiêm trọng từ tháng 6 đến tháng 9 năm 2024, do lạm phát cao và mất mát sinh kế liên quan đến lũ lụt.

## **5. Thông tin thầu:**

### **Hàn Quốc:**

Tập đoàn Thương mại Nông-Thủy sản và Thực phẩm (KAFTC) của **Hàn Quốc** đã phát hành một cuộc đấu thầu quốc tế để mua khoảng 6.000 tấn gạo từ Hoa Kỳ và Thái Lan, với thời hạn nộp báo giá là 3:00 chiều (KST) ngày 2 tháng 12 năm 2024. Đấu thầu điện tử sẽ diễn ra vào ngày 3 tháng 12 năm 2024, từ 10:00-11:00 sáng (KST). Gạo dự kiến sẽ được giao từ ngày 15 tháng 2 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Trong một cuộc đấu thầu khác, KAFTC đang tìm cách mua 40.000 tấn gạo từ Hoa Kỳ, Thái Lan, Việt Nam và các nguồn khác, với thời hạn nộp báo giá là 3:00 chiều (KST) ngày 21 tháng 11 năm 2024 và đấu thầu điện tử được ấn định vào ngày 22 tháng 11 năm 2024, từ 9:30-11:30 sáng (KST). Dự kiến giao hàng từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 11 năm 2025.

Ngoài ra, KAFTC đã mua 60.000 tấn gạo từ Thái Lan, Việt Nam và các nước khác thông qua một cuộc đấu thầu kết thúc vào ngày 7 tháng 11 năm 2024, như một phần của kế hoạch mua sắm 101.000 tấn để giao hàng từ tháng 2 đến tháng 7 năm 2025.

### **Nhật Bản:**

Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp (MAFF) đã tổ chức một cuộc đấu thầu SBS (Mua-Bán đồng thời) thứ ba cho năm tài chính 2024/25 vào ngày 22 tháng 11 năm 2024, mua tổng cộng 25.000 tấn gạo, bao gồm 22.500 tấn gạo nguyên cám và 2.500 tấn gạo tằm, đáp ứng mục tiêu nhập khẩu của họ. Nhật Bản cũng đã mua 66.020 tấn gạo trong một cuộc đấu thầu quốc tế riêng được tổ chức vào ngày 15 tháng 11 năm 2024, mua 38.000 tấn gạo hạt vừa từ Hoa Kỳ

và Úc, và 28.020 tấn gạo hạt dài từ Thái Lan, với giá trung bình khoảng 747 USD/tấn.

Trong khi đó, SAEL Agri Commodities của Ấn Độ đã ký được hợp đồng cung cấp 50.000 tấn gạo đồ non - basmati cho **Bangladesh** với giá 471,6 USD/tấn, sau cuộc đấu thầu nhập khẩu gạo thứ hai của Bangladesh kết thúc vào ngày 18 tháng 11 năm 2024. Động thái này diễn ra sau khi lũ lụt ở Bangladesh đã phá hủy 1,1 triệu tấn gạo, buộc chính phủ phải đảm bảo nguồn cung đầy đủ và ổn định giá cả. Một cuộc đấu thầu mới cho 50.000 tấn đã được mở cho đến ngày 2 tháng 12 năm 2024.

### **III. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:** (Nguồn: [www.xe.com](http://www.xe.com))

<b>Ngoại tệ</b>	<b>Thấp nhất</b>	<b>Cao nhất</b>	<b>Bình quân</b>
Yuan Trung Quốc (CNY)	7,10	7,25	7,21
Euro (USD/Euro)	0,92	0,96	0,94
Rupiah Indonesia (IDR)	15.589,55	15.931,14	15.826,72
Malaysian Ringgit (MYR)	4,35	4,48	4,44
Philippines Peso (PHP)	58,26	58,99	58,71
South Korean Won (KRW)	1.375,54	1.409,05	1.395,78
Yen Nhật Bản (JPY)	150,41	155,98	153,62
Rupee Ấn Độ (INR)	84,05	84,58	84,36
Burmese Kyat (MMK)	2.098,54	2.099,20	2.098,92
Pakistan Rupees (PKR)	277,59	278,74	277,96
Baht Thái Lan (THB)	33,63	34,89	34,45
Vietnamese Dong (VND)	25.237,65	25.435,59	25.367,71

## **B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:**

### **I. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU GAO:**

#### ***1. Kết quả xuất khẩu:***

Theo số liệu tổng hợp, lượng xuất khẩu từ ngày 01/11 đến 30/11/2024 đạt 704.608 tấn, trị giá 443,615 triệu USD, so với cùng kỳ về số lượng tăng 17,43% và về trị giá tăng 10,81%. Lũy kế xuất khẩu gạo 11 tháng năm 2024 đạt **8,452 triệu tấn**, trị giá **5,302 tỷ USD**, so với cùng kỳ 2023 tăng 10,64% về số lượng và tăng 22,27% về trị giá.

\* Thị trường xuất khẩu 11 tháng đầu năm 2024:

Thị Trường	Số lượng (tấn)	Trị giá (USD/tấn)	Chiếm (%)
Philippines	4.004.497	2.473.250.405	47,38%
Indonesia	1.130.339	678.918.597	13,37%
Malaysia	699.739	414.462.959	8,28%
Ghana	573.182	395.673.445	6,78%
Ivory Coast	437.778	260.070.328	5,18%
China	258.760	151.941.461	3,06%
Cuba	239.258	158.028.243	2,83%
Singapore	144.446	95.084.126	1,71%
Mozambique	85.410	58.906.053	1,01%
Campuchia	53.136	34.302.124	0,63%
United Arab Emirates	50.277	36.286.021	0,59%
Hongkong	49.430	34.138.529	0,58%
Australia	40.240	32.225.704	0,48%
Saudi Arabia	36.591	27.548.927	0,43%
United States of America	29.198	26.494.071	0,35%
Taiwan	18.594	11.925.460	0,22%
Turkey	14.693	9.395.875	0,17%
Ukraine	10.956	7.027.640	0,13%
Russia	10.555	7.504.825	0,12%
Poland	10.431	8.037.484	0,12%
Netherlands	9.556	8.205.148	0,11%
Papua New Guinea	8.951	5.670.834	0,11%
South Africa	8.360	6.257.428	0,10%
Laos	7.707	4.864.391	0,09%
Tanzania	5.975	4.400.055	0,07%
East Timor	5.902	3.907.908	0,07%
France	4.038	3.310.968	0,05%
Spain	2.309	1.850.751	0,03%
Senegal	2.251	1.589.197	0,03%
Angola	1.881	1.440.963	0,02%
Chile	1.414	899.067	0,02%
Belgium	941	582.917	0,01%
Bangladesh	439	341.144	0,01%
Iraq	252	213.971	0,00%
Brunei	109	104.276	0,00%
<i>Các nước khác</i>	<i>494.590</i>	<i>378.673.692</i>	<i>5,85%</i>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.452.266</b>	<b>5.302.947.231</b>	<b>100,00%</b>

**2. Bảng tàu xếp hàng:**

Từ ngày 01/11 – 30/11/2024 có 54 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Thới xếp hàng với số lượng dự kiến 369.560 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Green Sky	HCM	08/10/2024	4.850	Indonesia
2	Vinh 02	HCM	19/10/2024	4.900	Indonesia
3	V Tre	HCM	23/10/2024	34.000	Châu Phi
4	Hòa Bình 45	HCM	02/11/2024	4.000	Philippines
5	Phú An 288	HCM	02/11/2024	3.450	Indonesia
6	Thái Bình 39	HCM	02/11/2024	4.800	Philippines
7	Quang Minh 6	HCM	04/11/2024	4.150	Philippines
8	Vinaship Gold	HCM	04/11/2024	12.500	Philippines
9	Sinrise 69	HCM	05/11/2024	6.800	Philippines
10	VTV Dragon	HCM	05/11/2024	4.060	Philippines
11	Os Kano 35	HCM	06/11/2024	27.500	Châu Phi
12	Green Star	HCM	08/11/2024	2.800	Philippines
13	Quang Minh 05	HCM	08/11/2024	4.100	Malaysia
14	Alycia	HCM	09/11/2024	30.000	Cuba
15	Lán Hạ	HCM	09/11/2024	12.000	Philippines
16	Mekong Star	Mỹ Thới	10/11/2024	2.900	Philippines
17	Hải Đăng 168	HCM	11/11/2024	4.800	Philippines
18	Minh Anh 02	HCM	11/11/2024	3.500	Philippines
19	Ocean 86	HCM	11/11/2024	6.700	Philippines
20	Quang Minh 18	HCM	11/11/2024	4.150	Philippines
21	Tân An Confidence	HCM	11/11/2024	6.700	Philippines
22	Tân An Advance	HCM	13/11/2024	6.500	Philippines
23	Green Pacific	HCM	14/11/2024	4.000	Philippines
24	Hoàng Hải Ace	HCM	14/11/2024	3.450	Malaysia
25	Hoàng Triều 69	HCM	14/11/2024	5.100	Philippines
26	Phúc Thuận 69	HCM	15/11/2024	4.750	Philippines
27	Minh Anh 11	HCM	16/11/2024	4.800	Philippines
28	An Bình 18	HCM	17/11/2024	4.000	Philippines
29	Phú Đạt 88	HCM	17/11/2024	2.750	Malaysia
30	Seagull 09	HCM	17/11/2024	4.800	Philippines
31	Song Diễm Ocean	HCM	17/11/2024	2.850	Philippines
32	Thành Công 45	HCM	17/11/2024	2.750	Indonesia
33	Thái Bình 38	HCM	18/11/2024	5.000	Philippines

34	Everest	HCM	19/11/2024	46.000	Châu Phi
35	Green Island	HCM	20/11/2024	3.900	Philippines
36	An Trung 168	HCM	21/11/2024	2.750	Indonesia
37	Bless Gold	HCM	21/11/2024	10.500	Philippines
38	New Xa La	HCM	21/11/2024	4.100	Philippines
39	Oriental Star	HCM	21/11/2024	4.800	Philippines
40	Tân An 01	HCM	21/11/2024	4.750	Philippines
41	Vinacomin Hà Nội	HCM	21/11/2024	7.400	Philippines
42	Quang Minh 29	HCM	22/11/2024	6.500	Indonesia
43	Tân An Honesty	HCM	23/11/2024	4.050	Philippines
44	Green Sea	HCM	24/11/2024	4.600	Philippines
45	Hải Âu Star	HCM	24/11/2024	4.850	Indonesia
46	Viễn Đông 09	HCM	24/11/2024	6.000	Philippines
47	An Bình 18	HCM	25/11/2024	4.000	Philippines
48	Đông Thịnh	HCM	25/11/2024	6.600	Philippines
49	Hải Bình	HCM	25/11/2024	4.000	Philippines
50	MD Sky	HCM	25/11/2024	12.500	Philippines
51	Royal 16	HCM	25/11/2024	5.050	Philippines
52	Nasico Eagle	HCM	26/11/2024	6.350	Philippines
53	Star 56	HCM	26/11/2024	3.200	Philippines
54	Đông Ấn	HCM	27/11/2024	6.600	Philippines
55	Hòa Bình 09	HCM	28/11/2024	6.450	Philippines
56	Hoàng Phương Star	HCM	28/11/2024	3.950	Indonesia
57	Royal 18	HCM	28/11/2024	5.000	Indonesia
<b>Tổng</b>				<b>413.310</b>	

## **II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:**

### ***1. Tiến độ sản xuất:***

Theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

\* Tính đến ngày 30/11/2024:

+ Vụ Thu Đông 2024: xuống giống được 710 ngàn ha/700 ngàn ha diện tích kế hoạch, thu hoạch được 501 ngàn ha với năng suất khoảng 58,84 tạ/ha, sản lượng ước đạt 2,948 triệu tấn lúa.

+ Vụ Đông Xuân 2024-2025 đã xuống giống được 652 ngàn ha/1,490 triệu ha đã đạt 44% diện tích kế hoạch.

**2. Giá lúa gạo nội địa ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long:**

Loại Hàng	Giá cao nhất	Giá thấp nhất	Giá BQ	So với T10/2024	So với T11/2023
<b><u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u></b>					
Hạt dài	9.150	7.900	8.302	+566	-656
Lúa thường	7.700	6.850	7.198	+260	-1.621
<b><u>Lúa Khô/ Ướt Tại Kho</u></b>					
Hạt dài	11.050	9.350	9.965	+660	-348
Lúa thường	9.650	8.350	8.877	+340	-1.290
<b><u>Gạo Nguyên Liệu</u></b>					
Lứt loại 1	13.750	10.550	12.225	+608	-1.189
Lứt loại 2	10.650	10.250	10.500	+60	-2.479
Xát trắng loại 1	16.050	14.050	14.663	+543	-935
Xát trắng loại 2	12.700	12.450	12.540	+24	-2.658
<b><u>Phụ Phẩm</u></b>					
Tấm ½	9.550	7.650	8.848	-159	-2.936
Tấm 2/3	8.450	6.850	7.541	-169	-3.049
Tấm ¾	7.950	6.850	7.133	-487	-2.457
Cám xát	6.650	5.750	6.120	+120	-1.006
Cám lau	6.650	5.650	6.123	+118	-1.013
<b><u>Gạo TPXK Không Bao Tại Mạn</u></b>					
Gạo trắng 5% tấm	13.500	12.600	13.065	-19	-2.370
Gạo trắng 10% tấm	13.300	12.650	13.000	-35	-2.390
Gạo trắng 15% tấm	13.100	12.400	12.773	-75	-2.435
Gạo trắng 20% tấm	12.900	12.600	12.775	-125	-2.025
Gạo trắng 25% tấm	12.700	11.950	12.390	-52	-2.489

\*\*\*